

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO**  
(06/6/2024)

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 2 như sau:

“b) Quy mô đầu tư: dự án có tổng mức đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên.”

2. Sửa đổi Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. **Đơn vị chuẩn bị dự án PPP** lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật PPP và Mẫu số 01 Phụ lục III kèm

theo Nghị định này.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

**“3. Hội đồng thẩm định các cấp hoặc đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP lập báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật PPP và Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.”**

3. Bổ sung khoản 4 Điều 27 như sau:

**“4. Đối với dự án thực hiện trên phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương được thống nhất giao làm cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 của Nghị định này quyết định phê duyệt dự án PPP.”**

4. Sửa đổi Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 như sau:

**“2. Việc giao cho nhà đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư. Văn bản thỏa thuận bao gồm nội dung: mục đích; yêu cầu; tên cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư lập; chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi; chi phí thuê tư vấn độc lập thẩm tra và nguyên tắc xử lý trong các trường hợp sau đây:**

a) Trường hợp báo cáo nghiên cứu khả thi không được phê duyệt hoặc nhà đầu tư không được lựa chọn để thực hiện dự án, nhà đầu tư chịu mọi rủi ro, chi phí;

b) Trường hợp sau khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư đề xuất dự án không được lựa chọn, chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi sẽ do nhà đầu tư được lựa chọn hoàn trả cho nhà đầu tư đề xuất.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

**“3. Báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư tổ chức lập được thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 của Luật PPP, khoản 3 Điều 24 và Điều 26 của Nghị định này. Cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư lập thực hiện thủ tục trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và trình phê duyệt dự án PPP.”**

5. Sửa đổi Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 như sau:

**“2. Cá nhân tham gia tổ chuyên gia phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:**

a) Có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định của

pháp luật về đấu thầu;

- b) Có trình độ chuyên môn liên quan đến dự án;
- c) Có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của dự án;
- d) Am hiểu các nội dung cụ thể tương ứng của dự án;
- đ) Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến dự án.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp cần có sự tham gia của các chuyên gia chuyên ngành thì không yêu cầu các chuyên gia này phải có **chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu** theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”

6. Bổ sung khoản 3 Điều 35 như sau:

**“3. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, trong trường hợp tổng mức đầu tư dự án bao gồm cả chi phí nộp ngân sách nhà nước, sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách nhà nước, nhà đầu tư được hoàn trả hoặc giải tỏa phần bảo đảm thực hiện hợp đồng với tỷ lệ tương ứng phần tiền nộp vào ngân sách nhà nước. Phần bảo đảm thực hiện hợp đồng còn lại được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP hoàn thành nghĩa vụ còn lại theo hợp đồng.”**

7. Sửa đổi Điều 49 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. **Hồ sơ mời thầu được phê duyệt** căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu sau đây:  
a) Quyết định phê duyệt dự án PPP, trừ dự án quy định tại điểm d khoản này;

b) Kết quả sơ tuyển đối với dự án áp dụng đấu thầu rộng rãi có sơ tuyển;

c) Kết quả đàm phán, trao đổi về nội dung hồ sơ mời thầu đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật PPP;

d) Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP và kết quả đàm phán với nhà đầu tư đối với dự án quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật PPP;

đ) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP (đối với dự án quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật PPP), báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP và các tài liệu liên quan;

e) Các quy định của pháp luật và chính sách của Nhà nước có liên quan.

Trường hợp cần thiết, căn cứ yêu cầu thực tế của dự án, cơ quan có thẩm quyền quyết định việc lập hồ sơ mời thầu **đồng thời với** thiết kế sau thiết kế cơ sở và dự toán nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế tính cạnh tranh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, không hạn chế quyền thay đổi hoặc tự thực hiện thiết kế sau thiết kế cơ sở của nhà đầu tư và không làm kéo dài thời gian thực hiện dự án.”

b) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Trường hợp dự án PPP hình thành tiêu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, cơ quan có thẩm quyền tổ chức việc lập, thẩm định ***thiết kế kỹ thuật (đối với dự án yêu cầu thiết kế ba bước theo quy định của pháp luật về xây dựng)*** và dự toán của tiêu dự án (bao gồm cả chi phí hoạt động của cơ quan ký kết hợp đồng trong việc tổ chức thực hiện công tác giám sát thi công, nghiệm thu hoàn thành công trình), làm cơ sở để phê duyệt các nội dung này đồng thời với hồ sơ mời thầu. ***Thiết kế và dự toán ở bước thiết kế bản vẽ thi công được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định tại Điều 57 Luật PPP.***”

8. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 50 như sau:

“a) Việc đánh giá về tài chính - thương mại căn cứ theo phương pháp so sánh, xếp hạng quy định trong hồ sơ mời thầu. Hồ sơ mời thầu phải xác định ***một trong các tiêu chuẩn*** về giá, phí sản phẩm, dịch vụ công; vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 42 của Luật PPP để so sánh, xếp hạng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại. Nhà đầu tư xếp thứ nhất được xem xét đề nghị trúng thầu.

Đối với dự án PPP có tiêu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, hồ sơ mời thầu không áp dụng tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.”

9. Bổ sung điểm c1 khoản 4 Điều 64 như sau:

“***c1) Trường hợp dự án được phân kỳ đầu tư, yêu cầu về khả năng huy động vốn chủ sở hữu, vốn vay được đàm phán trên cơ sở tổng mức đầu tư dự án giai đoạn phân kỳ và cam kết của nhà đầu tư, ngân hàng về khả năng huy động vốn chủ sở hữu, vốn vay cho giai đoạn hoàn thiện.***”

10. Sửa đổi khoản 4 Điều 76 như sau:

“4. Trường hợp dự án PPP hình thành tiêu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, ***việc thanh toán đối với công trình hoàn thành của tiêu dự án thực hiện theo tiến độ, lộ trình tổng thể của dự án PPP theo thỏa thuận giữa cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án.***”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 91 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a như sau:

- Phương án 1: “***1a. Trường hợp dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (bằng văn bản hành chính hoặc thông qua Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch), phê duyệt đề xuất dự án, chấp thuận sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành trước ngày Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư có hiệu lực thi hành mà đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định tại Điều 101 của Luật PPP thì tiếp***”

*tục được áp dụng các ưu đãi, bảo đảm theo văn bản chấp thuận, phê duyệt đó.”*

- Phương án 2: *“1a. Dự án PPP đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư (bằng văn bản riêng hoặc theo Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch), phê duyệt đề xuất dự án, chấp thuận sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành trước ngày Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư có hiệu lực thi hành, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định tại Điều 101 của Luật PPP thì tiếp tục được áp dụng các ưu đãi, bảo đảm theo văn bản được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc theo Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch.”*

b) Bổ sung khoản 19 như sau:

*“19. Dự án PPP đã ký kết hợp đồng trước ngày Luật PPP có hiệu lực thi hành cần thực hiện biện pháp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nhưng hợp đồng đã ký kết không có điều khoản quy định cụ thể việc được chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì cho phép được thanh lý, chấm dứt hợp đồng trên cơ sở đồng thuận của các bên ký kết hợp đồng và đảm bảo lợi ích của Nhà nước.”*

c) Bổ sung khoản 20 như sau:

*“20. Trường hợp dự án áp dụng loại hợp đồng BT có sự thay đổi về vị trí, diện tích, giá trị quỹ đất thanh toán dẫn đến thay đổi giá trị khoản nộp ngân sách nhà nước đã được đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư thực hiện đàm phán, ký kết phụ lục hợp đồng để điều chỉnh giá trị nộp ngân sách nhà nước trên cơ sở đảm bảo hài hoà lợi ích của Nhà nước và nhà đầu tư.”*

12. Sửa đổi khoản 1a Điều 110 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 36 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng)

- Phương án 1: Bãi bỏ.

- Phương án 2: *“1a. Việc chuyển tiếp thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Trường hợp dự án BT được chuyển tiếp theo quy định của pháp luật về PPP (dự án BT đã lựa chọn được nhà đầu tư nhưng chưa lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự án BT điều chỉnh) thì thẩm quyền, nội dung và trình tự thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được thực hiện theo quy định đối với dự án đầu tư công.”*

### 13. Bổ sung Mẫu số 04 Phụ lục II

Mẫu số 04 - Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án áp dụng loại hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M)

### 14. Bổ sung Mẫu số 04 Phụ lục III

Mẫu số 04 - Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án áp dụng loại hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M)

### 15. Sửa đổi Mục II Phụ lục VI (phần nội dung trước tiểu mục 1)

“Các nội dung dưới đây được sắp xếp, trình bày trong các thành phần của Hợp đồng mẫu dự án PPP căn cứ tính chất, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực và loại hợp đồng của dự án. ***Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, căn cứ quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II và Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, nội dung của hợp đồng được lựa chọn, sửa đổi, bổ sung các nội dung tương ứng để phù hợp với tính chất của loại hợp đồng O&M.***”

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN ( )

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**